

Ngày	39,300 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.8%	2.1%	6.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,832 - 39,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,496
Số lượng CPLH (CP)	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,750
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	0.08
EPS	1,467
P/E	26.8

DT thuần

Q1/24

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 1.7%

YoY: ▼46.0| -29.4%

LN trước thuế

Q1/24

59.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.6| 32.8%

YoY: ▼38.0| -39.2%

LN sau thuế

Q1/24

50.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.3| 32.3%

YoY: ▼29.0| -36.6%

ROA

2023

8.0%

+/- YoY: ▼ 12.4%

DT thuần

2023

431

tỷ VNĐ

YoY: ▼295| -40.6%

LN trước thuế

2023

197

tỷ VNĐ

YoY: ▼256| -56.5%

LN sau thuế

2023

169

tỷ VNĐ

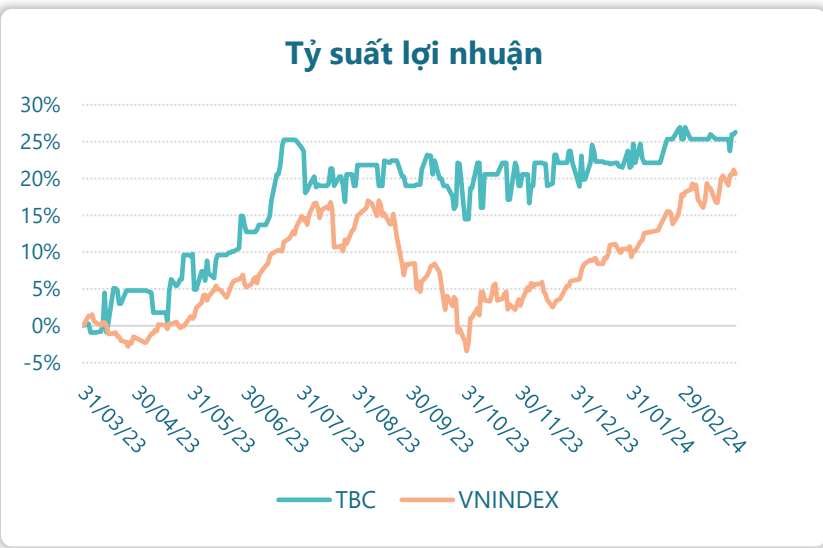
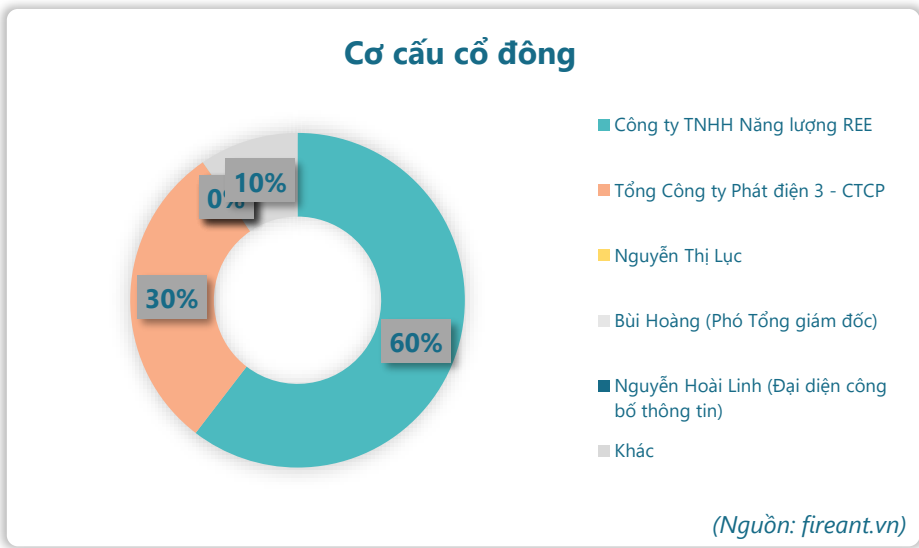
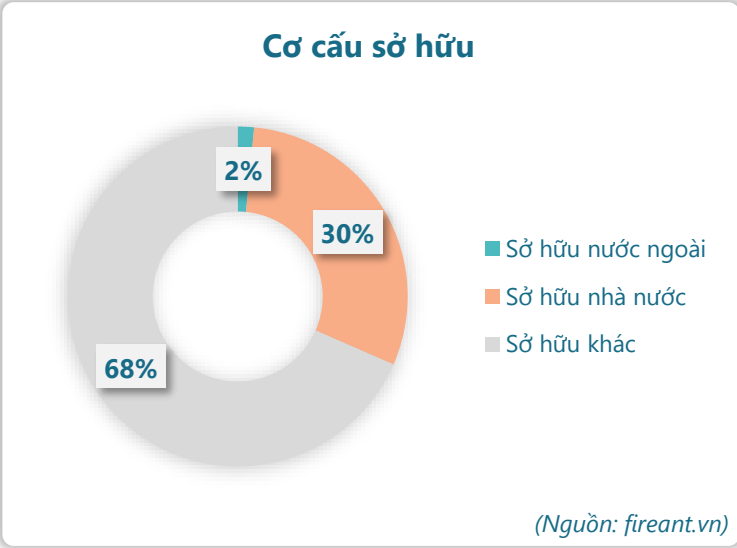
YoY: ▼210| -55.5%

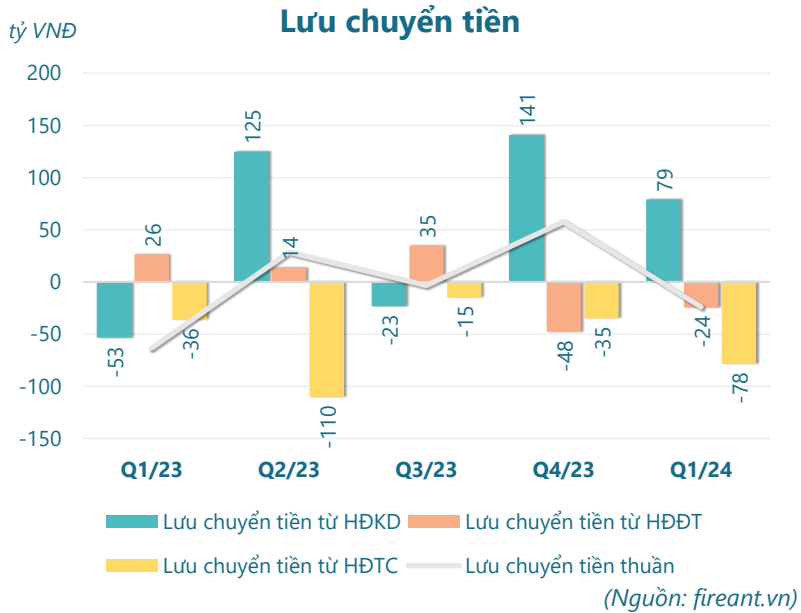
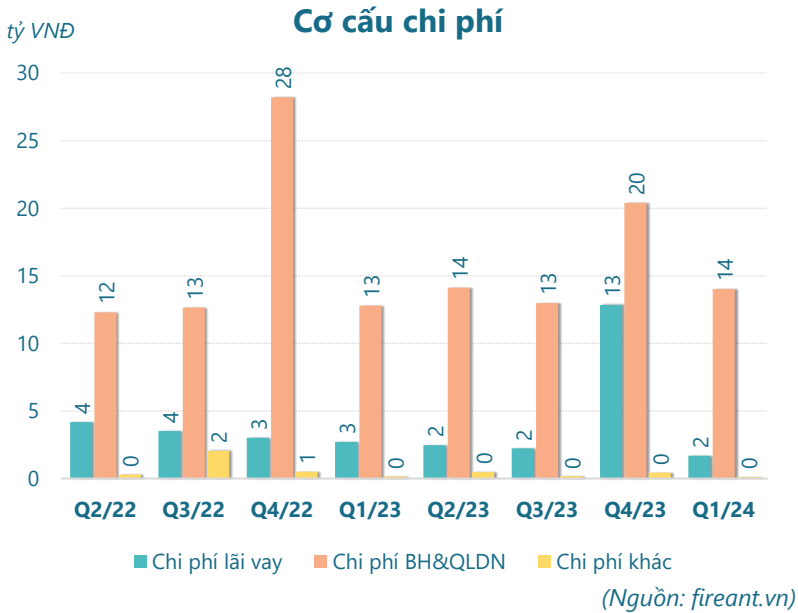
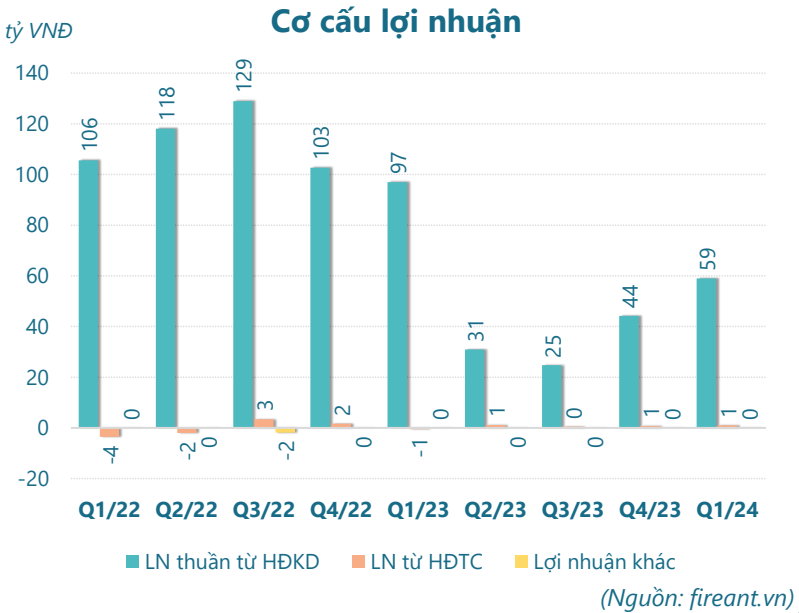
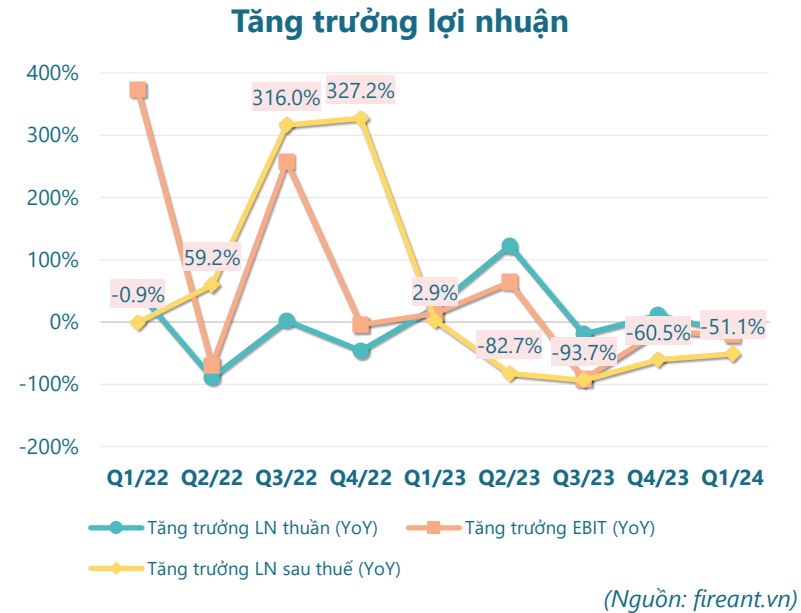
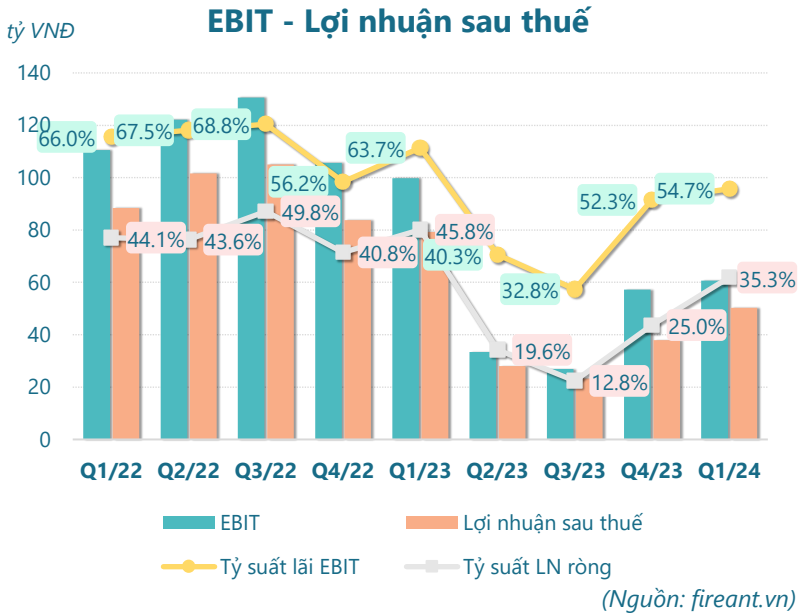
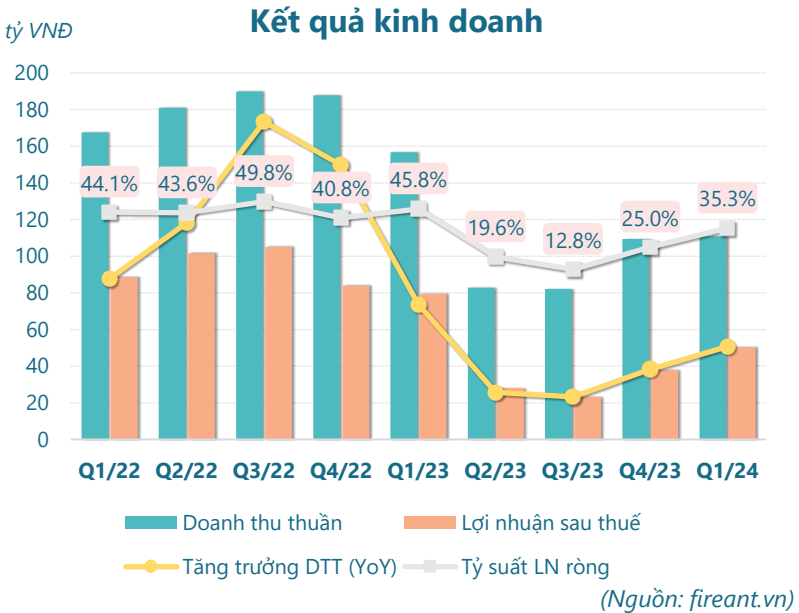
ROE

2023

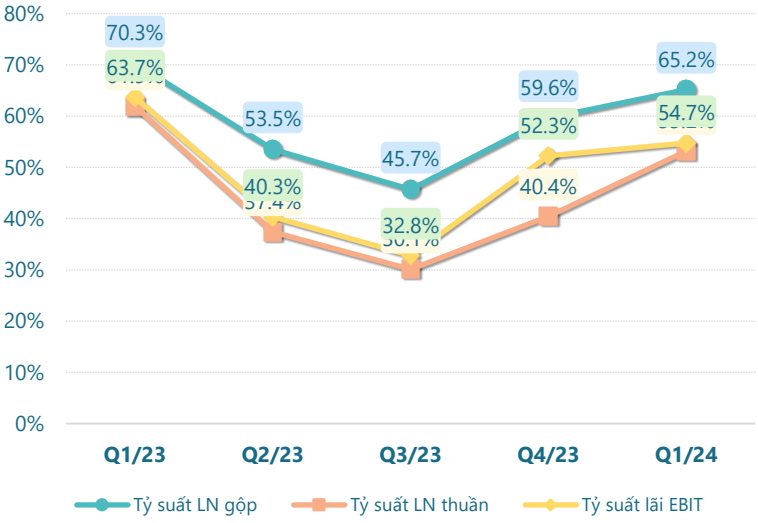
9.3%

+/- YoY: ▼ 15.7%



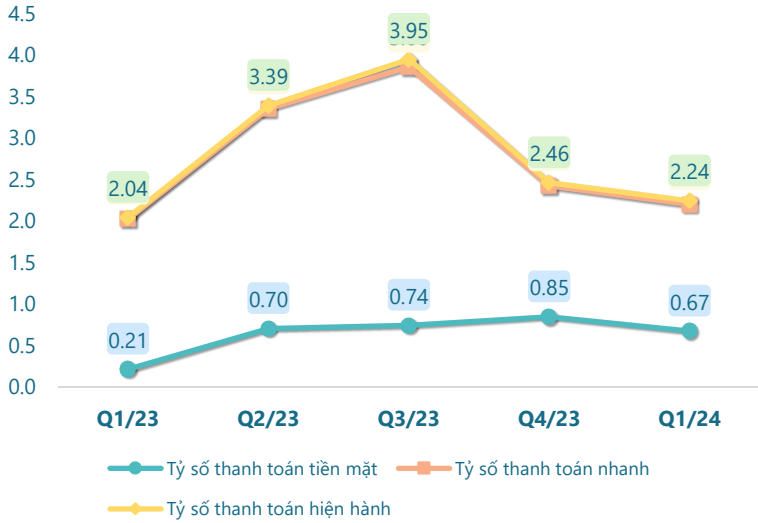


Tỷ suất lợi nhuận



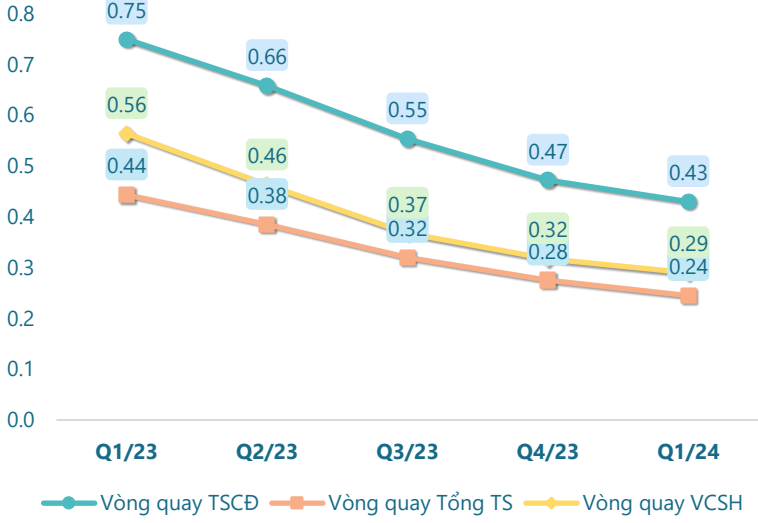
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



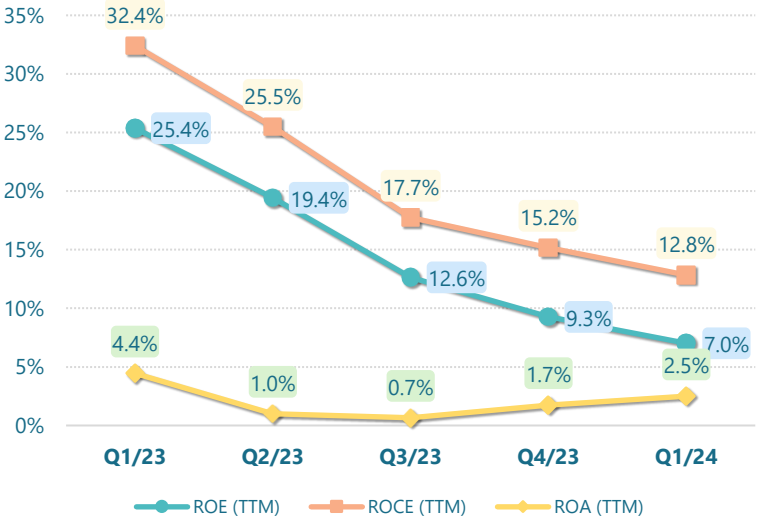
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



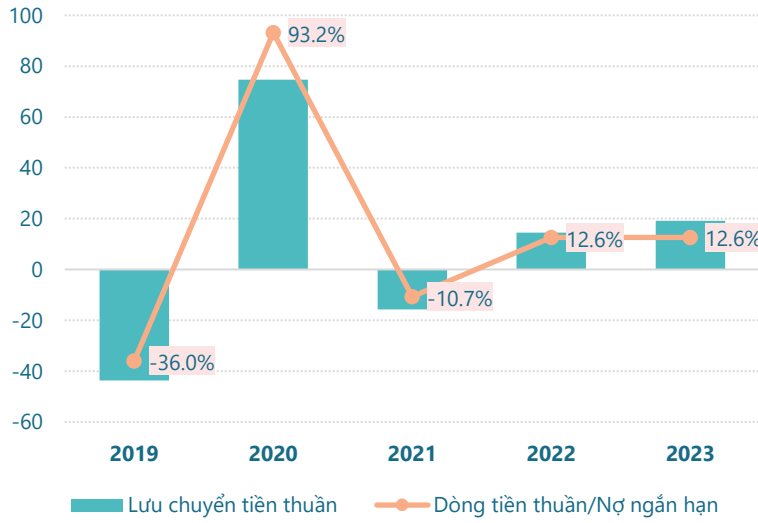
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



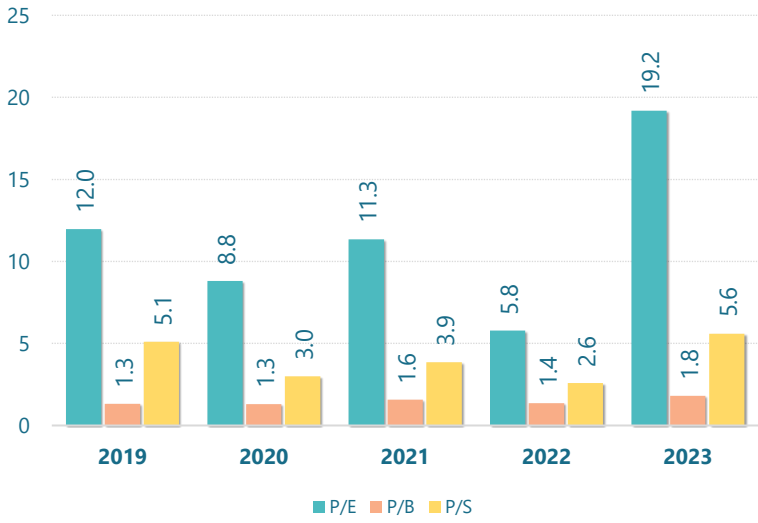
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)